

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
ngày 4/6/2026**THÔNG TƯ**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:**1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:**

"1. Hồ sơ đăng ký công ty đại chúng, hồ sơ, tài liệu báo cáo hủy tư cách công ty đại chúng quy định tại Thông tư này được nộp và trả trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải

quyết hồ sơ đăng ký công ty đại chúng, hồ sơ, tài liệu báo cáo hủy tư cách công ty đại chúng thì thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính”.

2. Bổ sung khoản 5, khoản 6 vào sau khoản 4 Điều 3 như sau:

“5. Ngày không còn đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 là:

a) Ngày đăng ký cuối cùng tại danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập hoặc ngày công ty đại chúng lập danh sách cổ đông đối với công ty đại chúng chưa đăng ký cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp không còn đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông,

b) Ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc ký văn bản xác nhận về vốn chủ sở hữu trong trường hợp công ty đại chúng không còn đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ đã góp hoặc vốn chủ sở hữu.

6. Vốn chủ sở hữu quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được xác định theo chỉ tiêu vốn chủ sở hữu (Mã số 400) của Báo cáo tình hình tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Trường hợp công ty đăng ký công ty đại chúng, công ty đại chúng là công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ- công ty con, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu được xác định theo Báo cáo tình hình tài chính trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký công ty đại chúng gồm:

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương trong trường hợp không khai thác được thông tin về các tài liệu này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác (nếu có)”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Các trường hợp hủy tư cách công ty đại chúng

Công ty đại chúng bị hủy tư cách công ty đại chúng khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 trừ trường hợp theo quy định tại khoản 7 Điều 59 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“1. Trình tự, thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày không còn đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, công ty đại chúng có trách nhiệm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước văn bản thông báo theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này, kèm theo Danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc do công ty tự lập đối với công ty đại chúng chưa đăng ký cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp công ty không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông, Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc văn bản xác nhận về vốn chủ sở hữu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận trong trường hợp công ty không đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ hoặc vốn chủ sở hữu; đồng thời thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty đại chúng, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán nơi công ty có cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch về việc không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

Công ty phải thực hiện đầy đủ các quy định liên quan đến công ty đại chúng cho đến thời điểm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

b) Sau 01 năm kể từ ngày không còn đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 mà công ty vẫn không đáp ứng được điều kiện là công ty đại chúng, trong thời hạn 30 ngày, công ty đại chúng gửi hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều này tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi công ty đại chúng nêu rõ nội dung yêu cầu, sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét hủy tư cách công ty đại chúng và thông báo hủy tư cách công ty đại chúng tới công ty, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán nơi công ty có cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, đồng thời công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hủy tư cách công ty đại chúng, công ty có trách nhiệm thông báo việc hủy tư cách công ty đại chúng trên trang thông tin điện tử của công ty, phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi công ty có cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và thực hiện thủ tục hủy niêm yết, hủy đăng ký giao dịch, theo quy định của pháp luật.

c) Sau 01 năm kể từ ngày không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 mà công ty đáp ứng được điều kiện là công ty đại chúng, trong thời hạn 30 ngày, công ty đại chúng có trách nhiệm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước văn bản thông báo theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc văn bản xác nhận về vốn chủ sở hữu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận tùy theo các điều kiện mà công ty chưa đáp ứng trước đây; đồng thời thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty đại chúng, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán nơi công ty có cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch về việc tiếp tục đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15. Chậm nhất trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của công ty, trường hợp có ý kiến khác, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản gửi cho công ty. Công ty có trách nhiệm tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng bao gồm các tài liệu sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương trong trường hợp không khai thác được thông tin về các tài liệu này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc các Cơ sở dữ liệu quốc gia khác (nếu có).

b) Văn bản thông báo về việc không còn đáp ứng quy định điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Danh sách cổ đông của công ty đại chúng không còn đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc do công ty lập đối với công ty đại chúng chưa đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc văn bản xác nhận về vốn chủ sở hữu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận đối với trường hợp công ty đại chúng không còn đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ đã góp hoặc vốn chủ sở hữu. Trường hợp công ty tăng vốn điều lệ sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất công ty phải bổ sung báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét”

3. Trường hợp công ty đại chúng không gửi hồ sơ, tài liệu báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước căn cứ danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất của công ty được kiểm toán để xem xét hủy tư cách công ty đại chúng, cụ thể như sau:

a) Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt nam có trách nhiệm cung cấp Danh sách cổ đông của công ty đại chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi công ty đại chúng chốt danh sách cổ đông hoặc định kỳ vào ngày 30/6 hàng năm trong trường hợp công ty đại chúng không tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên. Sau khi nhận được danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này về việc công ty không còn đáp ứng điều kiện về cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho công ty đại chúng về việc không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định.

Sau 01 năm kể từ ngày công ty không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 mà công ty vẫn không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời hạn 15 ngày, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét hủy tư cách công ty đại chúng, thông báo cho công ty, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

b) Căn cứ báo cáo tài chính được kiểm toán năm gần nhất của công ty đại chúng, trường hợp công ty không còn đáp ứng điều kiện về vốn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho công ty đại chúng về việc không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định.

Sau 01 năm kể từ ngày công ty không đáp ứng điều kiện về vốn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, căn cứ báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán của công ty mà công ty vẫn không đáp ứng điều kiện về vốn của công ty đại chúng, trong thời hạn 15 ngày, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét việc hủy tư cách công ty đại chúng, thông báo cho công ty, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Điều 9 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Hủy tư cách công ty đại chúng đối với trường hợp không đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng sau chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập doanh nghiệp.

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tình trạng pháp lý của công ty được cập nhật trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét hủy tư cách công ty đại chúng, thông báo cho công ty, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch, đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Hủy tư cách công ty đại chúng đối với trường hợp không đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.

a) Công ty đại chúng thực hiện chuyển đổi loại hình doanh nghiệp phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, Công ty trách nhiệm hữu hạn chuyển đổi từ công ty cổ phần là công ty đại chúng phải gửi thông báo kèm theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp không khai thác được thông tin về các tài liệu này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc các cơ sở dữ liệu quốc gia khác (nếu có).

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn chuyển đổi từ công ty cổ phần là công ty đại chúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét việc hủy tư cách công ty đại chúng, thông báo cho công ty, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch, đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

“4. Hủy tư cách công ty đại chúng đối với trường hợp công ty đại chúng bị giải thể, phá sản, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp về một trong các tình trạng pháp lý của doanh nghiệp gồm “bị thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp do cưỡng chế về quản lý thuế”, “đang làm thủ tục giải thể”, “đang làm thủ tục phá sản”, “đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại”, hoặc nhận được Quyết định, văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc giải thể, phá sản, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty đại chúng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo hủy tư cách công ty đại chúng, thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty có cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Hủy tư cách công ty đại chúng đối với trường hợp công ty đại chúng không thực hiện công bố thông tin trong 02 năm liên tục về báo cáo tài chính năm được kiểm toán

Sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải công bố thông tin báo cáo tài chính năm được kiểm toán theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hoặc văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có) mà công ty đại chúng không thực hiện công bố thông tin trong 2 năm liên tục về báo cáo tài chính năm được kiểm toán, trong thời hạn 15 ngày, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo hủy tư cách công ty đại chúng, thông báo cho công ty, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hủy tư cách công ty đại chúng đối với trường hợp công ty đại chúng không thực hiện công bố thông tin trong 02 năm liên tục về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

Sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp mà công ty đại chúng không thực hiện công bố thông tin trong 2 năm liên tục về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, trong thời hạn 15 ngày, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo hủy tư cách công ty đại chúng, thông báo cho công ty, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số phụ lục của Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán.

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán.

2. Bổ sung Phụ lục số 05, 06, 07, 08 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng... năm 2026.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty đại chúng, công ty đăng ký công ty đại chúng, tổ chức đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban thuộc QH;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử UBCKNN;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục số 01
MẪU BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP
*(Kèm theo dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2025/TT-BTC
ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP
Từ ngày.....tháng.....năm đến ngày.....tháng.....năm....

TT	Thời gian	Nội dung	Thuyết minh	Số lượng cổ phần	Vốn góp (theo mệnh giá)	Thặng dư vốn cổ phần	Tổng	Vốn đã góp sau tăng/giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	.../.../...	Số dư đầu kỳ báo cáo/Vốn góp thành lập	6.1					
2		Tăng/giảm vốn trong kỳ báo cáo	6.2					
	.../.../...	Tăng/giảm vốn	6.2.1					
	.../.../...	Tăng/giảm vốn						
								
3	.../.../...	Số dư cuối kỳ báo cáo	6.3					

Lưu ý:

- (2): Công ty trình bày việc tăng hoặc giảm vốn theo thứ tự thời gian phát sinh. Thời gian hiển thị tại cột này là ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho mỗi lần thay đổi vốn.
- (5) Trường hợp tại thời điểm góp vốn thành lập hoặc tăng/giảm vốn, Công ty không hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thì không nhập cột này.
- (8): Bằng Vốn góp (theo mệnh giá) cộng (+) với Thặng dư vốn cổ phần.
- Giảm vốn được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn: (...).

NGƯỜI LẬP
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**
(ký, họ tên, đóng dấu)

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

1. Thông tin chung

a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (CNĐKDN) số..... cấp lần đầu ngày.... tháng....năm.....

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần. Lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ....., được cấp ngày...../...../.....

b) Ngành nghề kinh doanh chính [nêu ngành nghề kinh doanh chính tại ngày lập báo cáo]

c) Cấu trúc của Công ty [tại ngày lập báo cáo]

d) Thông tin khác (Nếu có)

2. Mục đích lập báo cáo

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành [Công ty trình bày theo chế độ kế toán công ty áp dụng, ví dụ: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp].

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán mà doanh nghiệp được áp dụng theo quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực, chế độ kế toán. Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được lập và trình bày phù hợp với các quy định có liên quan của chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo vốn điều lệ đã góp, bao gồm Thông tư số [Số hiệu của thông tư].

4. Chính sách kế toán áp dụng

5. Ghi nhận và trình bày vốn góp của chủ sở hữu

- Tình hình góp vốn thành lập, tăng/giảm vốn điều lệ đã góp được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, các chính sách kế toán được áp dụng, các văn bản pháp lý khác có liên quan và các hồ sơ, tài liệu góp vốn, tăng/giảm vốn điều lệ của Công ty.

- Ban Giám đốc/Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc ghi nhận và trình bày vốn điều lệ đã góp của chủ sở hữu tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày....../...../..... đến ngày...../...../....., đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực, hợp lý của các thông tin, số liệu được trình bày tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp bao gồm: Số dư đầu kỳ báo cáo/Vốn góp thành lập, số liệu liên quan đến quá trình tăng/giảm vốn điều lệ, số dư cuối kỳ báo cáo và Thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày....../...../..... đến ngày...../...../.....

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo về vốn điều lệ đã góp

6.1. Số dư đầu kỳ báo cáo/Vốn góp thành lập

a. Đối với doanh nghiệp có thời gian hoạt động dưới 10 năm: Số liệu trình bày là chỉ tiêu vốn góp của chủ sở hữu khi thành lập doanh nghiệp.

Vốn góp thành lập tại ngày...../...../.....

Cơ sở pháp lý

Biên bản/Nghị quyếtcủa các thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập liên quan đến vốn góp thành lập;

Giấy CNĐKDN lần đầu số ngày/...../..... được cấp bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh....., trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy CNĐKDN là.....;

Điều lệ Công ty ngày....tháng....năm....., trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là.....;

Sổ đăng ký thành viên/cổ đông của Công ty được lập tại ngày/...../..... trong đó có thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập;

Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nêu chi tiết nếu có).

Chi tiết góp vốn:

Số lượng thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập: thành viên/cổ đông

Ngày bắt đầu góp vốn:

Ngày hoàn thành góp vốn:

Thông tin góp vốn: ***Chi tiết tại Phụ lục số I.1 đính kèm Báo cáo.***

b. Đối với doanh nghiệp có thời gian hoạt động từ 10 năm trở lên, số dư đầu kỳ Báo cáo về vốn điều lệ đã góp là số dư chỉ tiêu vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm đầu kỳ báo cáo với kỳ báo cáo tối thiểu là 10 năm.

Ví dụ: Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2025; Thời điểm hiện tại là 15/03/2025, số dư đầu kỳ Báo cáo về vốn điều lệ đã góp là số dư vốn

góp của chủ sở hữu tại thời điểm 01/01/2013 trong trường hợp thời kỳ doanh nghiệp lập báo cáo về vốn điều lệ đã góp là 12 năm.

Số dư đầu kỳ báo cáo tại ngày...../...../.....

Cơ sở ghi nhận số dư đầu kỳ

Tài liệu liên quan đến việc tăng/giảm vốn gần nhất trước thời điểm đầu kỳ của Báo cáo về vốn điều lệ đã góp bao gồm:

Biên bản/Nghị quyếtcủa các thành viên góp vốn/cổ đông (nếu có);

Giấy CNĐKDN lần thứ..... ngày/...../..... được cấp bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh....., trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy CNĐKDN là.....;

Điều lệ Công ty ngày....tháng....năm....., trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là.....;

Sổ đăng ký thành viên/cổ đông của Công ty được lập tại ngày/...../..... trong đó có thành viên góp vốn/cổ đông;

Báo cáo tài chính năm của Công ty;

Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nêu chi tiết nếu có);

Chi tiết góp vốn tại ngày...../...../....: Chi tiết tại ***Phụ lục số I.2*** đính kèm Báo cáo.

6.2. Tăng/giảm vốn trong kỳ báo cáo

Từ/...../..... đến/...../....., Công ty có..... đợt tăng vốn điều lệ vàđợt giảm vốn điều lệ. Chi tiết như sau [*Công ty trình bày các lần tăng/giảm vốn theo trình tự thời gian phát sinh*]:

6.2.1. Tăng/giảm vốn lần..... thời gian.....

a. Cơ sở pháp lý

Biên bản/Nghị quyết liên quan đến tăng/giảm vốn;

Giấy CNĐKDN lần..... số được cấp ngày/...../..... bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là.....;

Điều lệ Công ty ngày....tháng....năm....., trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là.....;

Sổ đăng ký thành viên/cổ đông của Công ty được lập tại ngày/...../..... trong đó có thành viên/cổ đông góp vốn.

b. Chi tiết tăng/giảm vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng/giảm: đồng

Vốn điều lệ tăng thêm/giảm đi: đồng

Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm: đồng

Phương án tăng/giảm và điều chỉnh (nếu có)

Số lượng thành viên/cổ đông trước khi tăng/giảm: thành viên/cổ đông

Số lượng thành viên/cổ đông sau khi tăng/giảm: thành viên/cổ đông

Thời điểm bắt đầu tăng/giảm:

Thời điểm hoàn thành tăng/giảm:

Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại **Phụ lục số I.3** đính kèm Báo cáo.

Thông tin chi tiết liên quan đến giảm vốn:.....

[Công ty bổ sung các thông tin liên quan đến đợt giảm vốn căn cứ trên hồ sơ giảm vốn của Công ty]

Các thông tin khác (nếu có): *[Công ty bổ sung các thông tin liên quan đến đợt tăng/giảm vốn căn cứ trên hồ sơ tăng/giảm vốn, sổ kế toán, tài liệu tăng/giảm vốn của Công ty]*.

6.3. Số dư cuối kỳ báo cáo

Vốn điều lệ đã góp tại ngày...../...../..... là đồng, chi tiết tại **Phụ lục số I.2** đính kèm Báo cáo.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo [ngày..../..../....].

8. Thông tin bổ sung khác (nếu có).

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**
(ký, họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

Phụ lục số I.1

CHI TIẾT VỐN GÓP THÀNH LẬP TẠI THUYẾT MINH SỐ BÁO CÁO VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

TT	Tên cổ đồng/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
									
	Tổng								

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(ký, họ tên, đóng dấu)

(4) Trường hợp tại thời điểm góp vốn, Công ty không hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thì không cần nhập Cột này.

(7) Phương thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền; góp vốn bằng tài sản hoặc các phương thức góp vốn khác (nêu chi tiết nếu có).

(8) Tài sản góp vốn: Thuyết minh chi tiết bao gồm loại tài sản, số lượng và giá trị từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên/cổ đông.

(9) Tài liệu góp vốn: Liệt kê chi tiết các tài liệu liên quan: ví dụ: Phiếu thu số.... ngày..../..../....., số tiền....., Giấy báo có/sao kê/sổ phụ,... của ngân hàng ngày/..../....., Biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày..../..../....., tài liệu định giá tài sản góp vốn....., tài liệu về quyền sở hữu tài sản đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, hoặc các tài liệu khác liên quan đến góp vốn (nếu có).

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm....

Phụ lục số I.2

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY/....../....
THEO THUYẾT MINH SỐ BÁO CÁO VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Cổ đông/thành viên góp vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng cộng			

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**
(ký, họ tên, đóng dấu)

(3) Trường hợp công ty không hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thì không cần nhập Cột này.

lập – Tự do – Hạnh phúc

.....,
ngàytháng.....năm....

Phụ lục số I.3
CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN TẠI THUYẾT MINH SỐ BÁO CÁO VỐN ĐIỀU
LỆ ĐÃ GÓP

TT	Tên cổ đồng/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
										
	Tổng cộng									

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, họ tên)

KẾ TOÁN
TRƯỞNG

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT

- (4) Người có liên quan: Thuyết minh theo quy định của pháp luật hiện hành.
- (5) Trường hợp công ty không hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thì không cần nhập Cột này.
- (8) Phương thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền; góp vốn bằng tài sản hoặc các phương thức góp vốn khác (nếu chi tiết nếu có).
- (9) Tài sản góp vốn: Thuyết minh chi tiết bao gồm loại tài sản, số lượng và giá trị từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên/cổ đông.
- (10) Tài liệu góp vốn: Liệt kê chi tiết các chứng từ liên quan: ví dụ: Phiếu thu số.... ngày..../..../...., số tiền....., Giấy báo có/sao kê/sổ phụ,... của ngân hàng ngày/..../....., Biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày..../..../....., tài liệu định giá tài sản góp vốn....., tài liệu về quyền sở hữu tài sản đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, hoặc các tài liệu khác liên quan đến góp vốn (nếu có).

**MẪU BÁO CÁO VỀ VIỆC KHÔNG CÒN ĐÁP ỨNG
ĐIỀU KIỆN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

TÊN CÔNG TY

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung về Công ty

1. Tên Công ty:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Website:.....
5. Người đại diện theo pháp luật:
-
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày, cấp thay đổi lần thứ ngày (*nêu thông tin thay đổi lần gần nhất*).
7. Giấy phép thành lập và hoạt động (*nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành*):.....
8. Vốn điều lệ đã góp:..... tại ngày.....
9. Vốn chủ sở hữu:..... tại ngày.....
10. Ngày được xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng:.....
- theo Văn bản số:..... ngày

11. Ngày đăng ký niêm yết/giao dịch:.....theo Văn bản số.....

12. Công ty thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 59, Luật Quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (Luật số 68/2025/QH15): Có/Không

II. Thông tin không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

1. Ngày Công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:.....

.....

2. Công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:

- Điều kiện về vốn (1):.....

+ Vốn điều lệ đã góp:.....

.....

....

+ Vốn chủ sở hữu:

.....

....

- Điều kiện về cơ cấu cổ đông (2):

+ Số lượng cổ đông:

.....

....

+ Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: (tương ứng tỷ lệ%).

III. Cam kết của công ty

Công ty cam kết những thông tin này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm ảnh hưởng đến nhà đầu tư, ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan quản lý nhà nước.

Trong thời hạn một năm kể từ khi công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng cho đến khi được UBCKNN hủy tư cách công ty đại chúng, Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến công ty đại chúng theo quy định pháp luật.

IV. Tài liệu kèm theo

1. Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc văn bản xác nhận về vốn chủ sở hữu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận (trường hợp Công ty không đáp ứng điều kiện về vốn)/ Danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc do công ty tự lập đối với công ty đại chúng chưa đăng ký cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (trường hợp không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông).
2. Tài liệu khác (nếu có)

Lưu ý:

(1) Áp dụng đối với công ty không đáp ứng điều kiện về vốn

(2) Áp dụng đối với công ty không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 06
MẪU BÁO CÁO VỀ VIỆC TIẾP TỤC ĐÁP ỨNG
ĐIỀU KIỆN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
(Kèm theo Thông tư số...../2026/TT-BTC ngày tháng năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 2026

BÁO CÁO VỀ VIỆC TIẾP TỤC ĐÁP ỨNG
ĐIỀU KIỆN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin chung về Công ty

1. Tên Công ty:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Website:.....
5. Người đại diện theo pháp luật:
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày, cấp thay đổi lần thứ ngày *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*.
7. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*:
8. Vốn điều lệ đã góp:.....tại ngày.....
9. Vốn chủ sở hữu:.....tại ngày.....
10. Ngày được xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng:.....theo Văn bản số:.....ngày.....

11. Ngày đăng ký niêm yết/giao dịch:..... theo Văn bản sốngày.....

12. Công ty thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 59, Luật Quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (Luật số 68/2025/QH15): Có/Không.....

II. Thông tin về việc không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

1. Ngày Công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:.....

2. Công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:

- Điều kiện về vốn (1):.....

+ Vốn điều lệ đã góp:.....

+ Vốn chủ sở hữu:.....

- Điều kiện về cơ cấu cổ đông (2):.....

+ Số lượng cổ đông:.....

+ Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: (tương ứng tỷ lệ%).

III. Thông tin về việc tiếp tục đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

1. Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:.....

2. Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:

- Điều kiện về vốn (1):.....

+ Vốn điều lệ đã góp:.....

+ Vốn chủ sở hữu:.....

- Điều kiện về cơ cấu cổ đông (2):.....

+ Số lượng cổ đông:.....

+ Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: (tương ứng tỷ lệ%).

III. Tài liệu kèm theo

1. Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc văn bản xác nhận về vốn chủ sở hữu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận (trường hợp Công ty không đáp ứng điều kiện về vốn)/ Danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc do công ty tự lập đối với công ty đại chúng chưa đăng ký cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu

ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (trường hợp không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông).

2. Tài liệu khác (nếu có)

Lưu ý:

(1) Áp dụng đối với công ty không đáp ứng điều kiện về vốn

(2) Áp dụng đối với công ty không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Kèm theo Thông tư số...../2026/TT-BTC ngày tháng năm 206 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số:, ngày ... tháng ... năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên Công ty:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Website:.....
5. Người đại diện theo pháp luật:
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:..... do Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày, cấp thay đổi lần thứ ... ngày (*nêu thông tin thay đổi lần gần nhất*).....
7. Giấy phép thành lập và hoạt động (*nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành*):
8. Vốn điều lệ đã góp:..... tại ngày:.....
9. Vốn chủ sở hữu:..... tại ngày:.....
.....
10. Ngày Công ty trở thành công ty đại chúng:.....
theo Văn bản số:..... ngày
11. Ngày đăng ký niêm yết/giao dịch:.....
theo Văn bản số..... ngày

12. Công ty thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 59, Luật Quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (Luật số 68/2025/QH15): Có/Không

II. Thông tin không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

1. Ngày Công ty không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo Báo cáo quy định tại khoản 1, Điều 8 Thông tư 19:.....

2. Công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:

- Điều kiện về vốn (1):

+ Vốn điều lệ đã góp:

+ Vốn chủ sở hữu:

- Điều kiện về cơ cấu cổ đông (2):

+ Số lượng cổ đông:

+ Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: (tương ứng tỷ lệ%).

III. Hồ sơ kèm theo

1. Giấy chứng nhận doanh nghiệp/giấy tờ pháp lý tương đương nếu UBCKNN không khai thác được thông tin về công ty trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc Cơ sở dữ liệu khác;

2. Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc văn bản xác nhận về vốn chủ sở hữu của tổ chức kiểm toán được chấp thuận (trường hợp Công ty không đáp ứng điều kiện về vốn)/ Danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc do công ty tự lập đối với công ty đại chúng chưa đăng ký cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (trường hợp không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông).

3. Tài liệu khác (nếu có)

Lưu ý:

- (1) Áp dụng đối với công ty không đáp ứng điều kiện về vốn; (2) Áp dụng đối với công ty không đáp ứng điều kiện về cơ cấu cổ đông;

- Các thông tin tại Mẫu văn bản thông báo này được sử dụng cho mẫu e-form khi thực hiện thủ tục “Hủy tư cách công ty đại chúng” trên môi trường điện tử;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 08
MẪU DANH SÁCH CỔ ĐÔNG

(Kèm theo Thông tư số/2026/TT-BTC ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG

- ~ Tên tổ chức đăng ký chứng khoán:
- ~ Mã chứng khoán:
- ~ Nơi giao dịch:
- ~ Ngày đăng ký cuối cùng:
- ~ **Tổng số lượng chứng khoán đăng ký tại VSDC :**
- ~ Tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết:
- ~ Tổng số lượng cổ đông:
- ~ Số lượng cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết không phải cổ đông lớn:
- ~ Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông không phải cổ đông lớn:
- ~ Cổ đông lớn:

STT	Cổ đông	Mã SID	Đăng ký sở hữu (*)		Địa chỉ	Số điện thoại	Số lượng cổ phiếu nắm giữ		Ghi chú
			Số	Ngày cấp			Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trong nước								
	...								
2	Nước ngoài								

	...								
	Tổng cộng (cổ đông lớn)								

(*) Đăng ký sở hữu: là căn cước hoặc giấy tờ tương đương đối với cổ đông là cá nhân; là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương đối với cổ đông là tổ chức.

ĐẠI DIỆN VSDC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)